

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 – TP.ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2026/LĐ - ST

Ngày: 12.3.2026.

V/v “*Tuyên bố hợp đồng  
lao động vô hiệu*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TP ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Đức Hoàng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Chi.

2. Ông Nguyễn Văn Cơ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 4, Tp Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 4, Đà Nẵng đã xét xử công khai vụ án Lao động thụ lý số 11/2025/TLST-LĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 2 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 19, phường H, thành phố Đ.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Điện tử V; (nay là Công ty TNHH M): Trụ sở: Lô 1 KCN H, phường L, thành phố Đ.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 47, phường L, thành phố Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ **Bảo Hiểm xã hội quận Th nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Th – Đà Nẵng;** Địa chỉ liên lạc: Số 25 – 27 Nguyễn V, phường Th, thành phố Đ. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Vào tháng 02/2009 đến tháng 02/2011 Bà Nguyễn Thị N làm công nhân tại Công ty Cổ phần Đầu tư Ph, có tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc đến tháng 8/2013 thì bà nghỉ việc chuyển sang Công ty Cổ phần Thủy sản Th bà có tham gia đóng bảo hiểm số 4809015983; Từ tháng 6/2011 đến tháng 03/2024 bà làm công nhân tại Công ty may mặc B có tham gia đóng bảo hiểm có số bảo hiểm số 4811032853.

Do bản thân không am hiểu pháp luật nên đã giúp em Phạm Thị B chưa đủ tuổi tham gia lao động mượn chứng minh nhân dân để xin vào Công ty TNHH V trong khoản thời gian từ tháng 08/2009 đến tháng 11/2012 và tham gia đóng bảo hiểm số 4809022096; Như vậy hiện nay tên của tôi tồn tại 03 sổ bảo hiểm là 4809015983; 4811032853; Đối với sổ bảo hiểm có số 4809022096 (sổ này do cho bà H mượn) là do bảo hiểm quận Th cấp năm 2025 bà làm đơn yêu cầu giải quyết chế độ bảo hiểm nhưng cơ quan bảo hiểm không giải quyết chế độ cho bà.

Năm 2025 bà đã gửi đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận L; Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Đ và cơ quan BHXH đã hướng dẫn ra Tòa giải quyết vụ việc này. Từ những lí do trên, bà đề nghị Tòa án Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị N (*người tham gia trực tiếp là Phạm Thị B*) và Công ty TNHH V nay là Công ty TNHH M vô hiệu lý do không đúng người lao động có sổ sổ bảo hiểm là 4809022096 đóng từ tháng 8/2009 đến tháng 11/2012 và bà Không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng.

\*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH V (nay là Công ty TNHH M) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Th vắng mặt: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng vắng mặt không có lý do; Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

\* Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà và Phạm Thị B có đơn trình bày: Bà H thống nhất nhất chí với lời trình bày của Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N trình bày, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Bà N về yêu cầu khởi kiện nói trên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Công ty TNHH V nay là Công ty TNHH M); trụ sở: Lô A1 Khu công nghiệp H, phường H, quận L, thành phố Đ. (nay thuộc phường L – thành phố Đ) nên vụ án thuộc của Tòa án nhân dân Khu vực 4 thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (Tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Công ty TNHH V nay là Công ty TNHH M); Bảo hiểm xã hội cơ sở Th và bà Phạm Thị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa, vắng mặt không có lý do (Bà H có đơn xét xử vắng mặt), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Bà Nguyễn Thị N đã gửi đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận L; Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Đ. Tuy nhiên, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Đ đã có văn bản trả lời hồ sơ khởi kiện sang Tòa án nên căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 188 Bộ luật Lao động năm 2019, Bà N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

## *2/ Về nội dung vụ án:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Ngô Thị Ánh Nguyệt lấy tên bà Nguyễn Thị N để giao kết hợp đồng lao động đối với Công ty TNHH V vào năm 2009 là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng;

Các bên tranh chấp Hợp đồng lao động trong giai đoạn từ tháng 08/2009 - 11/2012 nên được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung 2002, 2006, 2007 và Bộ luật lao động 2019.

Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị N và bà Phạm Thị B xác nhận do hoàn cảnh khó khăn đồng thời bà H chưa đủ tuổi lao động cho nên bà N đã cho bà H mượn CMND để ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH V được Từ tháng 8/2009 đến tháng 11/2012 bà H đã làm thất lạc hợp đồng và bà N yêu cầu Công ty TNHH V cung cấp hợp đồng lao động nhưng công ty cũng không còn lưu giữ hợp đồng.

Căn cứ vào Công văn của Bảo hiểm xã hội có công văn cung cấp số 184 ngày 15/01/2026 và sổ Bảo hiểm số 4809022096 cấp tại Công ty TNHH V, thời gian tham gia từ 08/2009 - 11/2012 là 03 năm 4 tháng. Đồng thời qua rà soát dữ liệu hệ thống phần mềm TST của BHXH Việt Nam, bà N cũng có sổ BHXH mã số 4809015983 tại Công ty cổ phần Đầu tư Ph thời gian đóng bảo hiểm là (02 năm 01 tháng) thười gian từ tháng 02/2009 đến tháng 02/2011; như vậy bà N có 02 sổ BHXH trùng nhau gần cùng với thời gian nói trên;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2009 - 11/2012, bà N không tham gia ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH V mà người trực tiếp tham gia lao động tại Công ty V và được cấp sổ BHXH 4809022096 đứng tên bà H cấp tại Công ty TNHH V do Bảo hiểm xã hội thành phố Đ cấp là vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động được quy định tại điều 15, điều 16 Bộ luật lao động năm 1994; nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty TNHH V là không có hiệu lực.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N (người tham gia lao động là bà Phạm Thị B) và Công ty TNHH V trong khoảng thời gian tháng 08/2009 - 11/2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, các đương sự không yêu nên Tòa án không giải quyết.

3/ *Về án phí lao động sơ thẩm*: Công ty TNHH Điện tử V; (nay là Công ty TNHH M) phải chịu án phí 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15, Điều 16 khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 51; khoản 2, khoản 7 Điều 188 Bộ luật lao động năm 2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N .

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa Bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH V trong khoảng thời gian tháng 08/2009 - 11/2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Phạm Thị B trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên bà Nguyễn Thị N.

- Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

### **2. Về án phí lao động sơ thẩm:**

Công ty TNHH Điện tử V; (nay là Công ty TNHH M) phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

### **3. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Khu Vực 4;
- Phòng THADS Khu Vực 4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Đức Hoàng**